

Số: **76** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng 5 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Quyết định số 180/QĐ-TTr ngày 31/3/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 11/4/2023, 12/4/2023 và 20/4/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/5/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300951119 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/8/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: phân phối và kinh doanh mua bán điện năng.

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

Stt	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
I	Công ty mẹ			
1	Khối phòng, ban:			
1.1	Ban KTNB&GSTC	35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1		Sản xuất, kinh doanh điện
1.2	Ban Tổng hợp			
1.3	Văn phòng			
1.4	Ban Kế hoạch			
1.5	Ban Tổ chức và Nhân sự			
1.6	Ban Kỹ thuật			
1.7	Ban Tài chính và Kế toán			
1.8	Ban Pháp chế			
1.9	Ban Quản lý đầu tư			
1.10	Ban Kinh doanh			



1.11	Ban Viễn thông và CNTT			
1.12	Ban An toàn			
1.13	Ban Quản lý đấu thầu			
1.14	Ban Truyền thông			
1.15	Ban Kiểm tra Thanh tra			
2	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc			
2.1	Công ty Điện lực Sài Gòn	01 Võ Văn Tần - P.6 - Q.3		
2.2	Công ty Điện lực Phú Thọ	215 Lý Thường Kiệt - P.15 - Q.11		
2.3	Công ty Điện lực An Phú Đông	246 Tô Ký - P. Tân Chánh Hiệp - Q.12		
2.4	Công ty Điện lực Chợ Lớn	1A Thuận Kiều- P.12 - Q.5		
2.5	Công ty Điện lực Gia Định	81 Nguyễn Đình Chiểu - P.4 - Q. Phú Nhuận		
2.6	Công ty Điện lực Gò Vấp	368 Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, Quận Gò Vấp		
2.7	Công ty Điện lực Tân Thuận	62 Lê Quốc Hưng - P.12 - Q.4		
2.8	Công ty Điện lực Bình Chánh	D15/10C Thế Lữ, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh		
2.9	Công ty Điện lực Bình Phú	718 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6		
2.10	Công ty Điện lực Tân Phú	42B Trần Hưng Đạo - P Tân Sơn Nhì - Q. Tân Phú		
2.11	Công ty Điện lực Tân Bình	117 Phỏ Quang - P.2 - Q. Tân Bình		
2.12	Công ty Điện lực Hóc Môn	68 Đỗ Văn Dậy, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh		
2.13	Công ty Điện lực Củ Chi	396 QL 22 - Xã Tân Thông Hội - Huyện Củ Chi		
2.14	Công ty Điện lực Thủ Đức	647 Tỉnh lộ 43 KP4 - P. Tam Bình - Q. Thủ Đức		
2.15	Công ty Điện lực Duyên Hải	393 Nguyễn Bình - Xã Nhơn Đức - Huyện Nhà Bè		
2.16	Công ty Lưới điện Cao thế	113 Phỏ Quang - P.2 - Q. Tân Bình		
2.17	Trung tâm Điều độ Hệ thống điện	35 Tôn Đức Thắng - P. Bến Nghé - Q.1		
2.18	Công ty Thí nghiệm điện	B 84A Bạch Đằng - P.2 - Q. Tân Bình		
2.19	Công ty Công nghệ thông tin	114A Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình		
2.20	Công ty Dịch vụ Điện lực	246 Tô Ký - P. Tân Chánh Hiệp - Q.12		
2.21	Trung tâm Chăm sóc khách hàng	35 Tôn Đức Thắng - P. Bến Nghé - Q.1		
2.22	Ban Quản lý dự án lưới điện	35 Tôn Đức Thắng - P. Bến Nghé - Q.1		
2.23	Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối	01 Võ Văn Tần - P.6 - Q.3		

Sản xuất,
kinh doanh
điện

II	Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ (bao gồm cả sở hữu 100% vốn điều lệ hạch toán độc lập)			
	Không có			
III	Công ty sở hữu dưới 50% vốn điều lệ			
1	Công ty Cổ phần Điện cơ	Số 6 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP.HCM	28,26%	Tư vấn, xây lắp điện
2	Công ty Cổ phần dịch vụ điện lực (Tradincorp)	Số 14A Đường số 85, Tân Quy, Quận 7, TP.HCM	29,65%	Tư vấn, xây lắp điện
3	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EVNI)	Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	1,96%	Sản xuất điện

- Điện thoại giao dịch: 028.2220.1177 Fax: 028.2220.1155.

- Trụ sở chính: số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản và tên ngân hàng giao dịch:

+ Tài khoản số 1700201176444 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tài khoản số 31010002295519 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tài khoản số 0071001961878 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 6.478 người (trong đó tại khối phòng/ban là 308 người).

- Tình hình sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Năm 2022	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	13.159.363	13.088.507	13.987.264	13.097.480
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu KWh	24.370	24.401	25.520	27.160
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	51.530.000	51.553.927	58.586.252	58.614.739
4	Tổng chi phí (chưa gồm lương)	Triệu đồng	49.425.133	49.268.503	56.841.888	56.835.940
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	233.576	497.399	448.000	602.977

6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	310.000	455.711	78.000	95.373
7	Lợi nhuận (sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn)	Triệu đồng		359.099		68.253
8	<i>Hệ số bảo toàn phát triển vốn</i>	Lần	≥ 1	1,022	≥ 1	1,001

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Thực hiện báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm, hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

2.1. Về tuyển dụng

- Doanh nghiệp sử dụng quy chế về công tác lao động và tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-HĐTV ngày 31/10/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Năm 2021, doanh nghiệp được Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt 220 chỉ tiêu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng được 167 lao động.

- Năm 2022, doanh nghiệp được Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt 134 chỉ tiêu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng được 128 lao động.

2.2. Đào tạo lao động

- Đã xây dựng quy định hướng dẫn thực hiện công tác đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 475/QĐ-EVNHCMC ngày 28/01/2022 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp (thay thế Quyết định số 4459/QĐ-EVNHCMC ngày 30/10/2018 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp).

- Doanh nghiệp chưa thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hằng năm cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đã thực hiện ký hợp đồng đào tạo với người lao động theo quy định.

2.3. Các quy định (hoặc phân cấp) về ký kết hợp đồng lao động

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc giao kết hợp đồng lao động với người lao động làm việc tại khối phòng/ban (Theo Quyết định số 3699/QĐ-EVNHCMC ngày 16/8/2022 Tổng Giám đốc doanh nghiệp); ủy quyền cho người đứng đầu các chi nhánh giao kết hợp đồng lao động với người lao động làm việc tại chi nhánh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 13 người (Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, người làm công tác Đảng, công đoàn chuyên trách).

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 6.465 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 6.465 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 6.148 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 317 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động còn có nội dung ghi chưa cụ thể theo quy định: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của Tổng công ty”, mục công việc phải làm ghi “theo Bản mô tả vị trí chức danh công việc” nhưng chưa đính kèm bản mô tả chức danh công việc đó, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “người lao động được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty”.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không có trường hợp bị mất việc làm; không có trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế dẫn đến việc cho nhiều người lao động thôi việc.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra là 428 người; số lao động thôi việc đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc là 150 người, doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 150 người lao động với tổng số tiền là 12.986.139.175 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ tại khối phòng/ban, số người lao động thôi việc là 06 người đều đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho 06 lao động với số tiền là 550.913.138 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại 01 lần/năm theo quy định.

- Đã tổ chức thương lượng tập thể, ký kết TULĐTT ngày 07/01/2022 với thời hạn 03 năm. TULĐTT có nội dung có lợi hơn quy định của pháp luật cho người lao động như: bổ sung thêm ngày nghỉ không hưởng lương; hỗ trợ vật chất cho nữ lao động ngày 8/3 và 20/10. Hồ sơ thương lượng tập thể có nội dung dự kiến thương lượng nhưng chưa thể hiện rõ các nội dung này được đề xuất từ phía người sử dụng lao động hay tập thể người lao động

- Đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đã thực hiện theo TULĐTT đã ký kết.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, có văn bản thống nhất ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở. Tuy nhiên, trong quy chế dân chủ ở cơ sở chưa quy định thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hằng năm.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động theo hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang lương, bảng lương của người lao động tại doanh nghiệp:

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	519	5,054	519	5,106
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	1.783	4,108	1.918	4,088
Công nhân trực tiếp SXKD	3.185	4,258	3.057	4,196
Nhân viên thừa hành phục vụ	160	3,478	147	3,502

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCBQ) tại doanh nghiệp:

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lao động	HSPCBQ	Số lao động	HSPCBQ
Chức vụ	437	0,036	442	0,040
Trách nhiệm	567	0,018	565	0,017

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Hằng năm, doanh nghiệp đã đăng ký, báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương: hằng năm, doanh nghiệp đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt.

* Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 theo văn bản số 8168/EVN-TCNS ngày 31/12/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 1.670.583 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiền lương theo văn bản số 1673/EVNHCMC-TCNS ngày 20/4/2021, văn bản số 5354/EVNHCMC-TCNS ngày 03/12/2021 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp).

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo văn bản số 7029/EVN-TCNS ngày 09/12/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là

1.612.727 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiền lương theo văn bản số 1263/EVNHCMC-TCNS ngày 05/4/2022, văn bản số 4794/EVNHCMC-TCNS ngày 30/11/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp).

* Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo văn bản số 1566/EVN-TCNS ngày 30/3/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 1.672.728 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng quỹ tiền lương thực hiện theo văn bản số 867/EVNHCMC-TCNS ngày 09/3/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp).

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo văn bản số 1117/EVN-TCNS ngày 13/3/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 1.594.029 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng quỹ tiền lương thực hiện theo văn bản số 533/EVNHCMC-TCNS ngày 16/02/2023 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp).

- Hình thức trả lương đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo tháng).

- Việc xây dựng quy chế trả lương và quy chế thưởng:

+ Đã xây dựng quy định quản lý và phân phối tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 02/3/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp (thay thế Quyết định số 51/QĐ-HĐTV ngày 14/5/2021 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp) và phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế.

+ Đã xây dựng quy định quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp (thay thế Quyết định số 117/QĐ-HĐTV ngày 27/10/2020 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp).

- Việc phân phối quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện được phê duyệt và quy chế quản lý và phân phối tiền lương đã được ban hành, doanh nghiệp phân phối quỹ tiền lương của người lao động theo quy chế và theo quỹ tiền lương đã được phê duyệt.

- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm, làm vào ngày nghỉ lễ, tết: kiểm tra bảng thanh toán tiền lương làm thêm giờ tháng 01/2023 của Văn phòng, doanh nghiệp đã trả lương làm thêm giờ, làm vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm, làm vào ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc, mất việc làm.

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị ngừng việc.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Việc khấu trừ lương của người lao động: trong thời kỳ thanh tra, có 02 người bị khấu trừ lương để bồi thường trách nhiệm vật chất (tại Công ty Điện

lực Sài Gòn), doanh nghiệp thực hiện khấu trừ tiền lương hàng tháng không quá 30% tiền lương thực trả hàng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân; tổng số tiền phải bồi thường là 412.218.630 đồng; tổng số tiền đã khấu trừ là 18.215.842 đồng.

5.1.3. Các khoản tiền lương và thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

- Các khoản phụ cấp khác: không.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung của người lao động tại doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	47,948	26,440	12,356	45,478	25,133	11,746
2	Phụ cấp	1,855	0,217	0	1,855	0,215	0
3	Tiền thưởng	2,750	2,739	1,000	1,167	1,146	0,167
4	Tổng thu nhập	52,553	29,396	13,356	48,500	26,494	11,913

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Hằng năm, doanh nghiệp đã đăng ký, báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Số người quản lý chuyên trách tại thời điểm thanh tra là 12 người, trong đó: Hội đồng thành viên là 04 người, 01 Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng thành viên, 05 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 01 Kiểm soát viên.

- Người quản lý không chuyên trách: 02 người (Kiểm soát viên).

- Đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý hằng năm, Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện đối với người quản lý tại doanh nghiệp.

- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 theo Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 31/12/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 6.686,55 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiền lương theo văn bản số 1673/EVNHCMC-TCNS ngày 20/4/2021, văn bản số 5354/EVNHCMC-

TCNS ngày 03/12/2021 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp), quỹ thù lao là 230,784 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo Quyết định số 209/QĐ-HĐTV ngày 09/12/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 2.310,724 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiền lương theo văn bản số 1263/EVNHCMC-TCNS ngày 05/4/2022, văn bản số 4794/EVNHCMC-TCNS ngày 30/11/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp), quỹ thù lao là 81,504 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo Quyết định số 32/QĐ-HĐTV ngày 30/3/2022 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 8.014,244 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng quỹ tiền lương thực hiện theo văn bản số 867/EVNHCMC-TCNS ngày 09/3/2022 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp), quỹ thù lao là 276,62 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo Quyết định số 26/QĐ-HĐTV ngày 13/3/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 2.771,468 triệu đồng (doanh nghiệp xây dựng quỹ tiền lương thực hiện theo văn bản số 533/EVNHCMC-TCNS ngày 16/02/2023 của Hội đồng thành viên doanh nghiệp), quỹ thù lao là 97,75 triệu đồng.

- Phân phối tiền lương, thù lao đối với người quản lý:

+ Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

Họ tên	Chức danh	Tiền lương (Triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2021	Năm 2022
Phạm Quốc Bảo	Chủ tịch HĐTV	65,576	23,177
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	63,588	22,476
Lê Tấn Định	Thành viên HĐTV	57,628	20,368
Nguyễn Minh Tùng	Thành viên HĐTV	57,628	20,368
Đỗ Thị Xuân Chi	Thành viên HĐTV	57,628	20,368
Luân Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc	57,628	20,368
Trần Khiêm Tuấn	Phó Tổng giám đốc đến T5/2022	57,628	20,368
Nguyễn Thanh Nhã	Phó Tổng giám đốc từ T9/2022	-	20,368

Nguyễn Duy Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	57,628	20,368
Bùi Hải Thành	Phó Tổng giám đốc từ T9/2022	-	20,368
Bành Đức Hoài	Phó Tổng giám đốc đến T5/2021	57,628	-
Bùi Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	57,628	20,368
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	53,654	18,694
Nguyễn Thị Thanh Hương	Kiểm soát viên	57,628	20,368

+ Thù lao của người quản lý không chuyên trách: doanh nghiệp đã xây dựng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách, đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt, doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

Đối với 02 kiểm soát viên không chuyên trách, doanh nghiệp chuyển thù lao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam để chi trả cho kiểm soát viên.

Tiền thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách như sau:

Họ tên	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2021	Năm 2022
Nguyễn Hồng Khanh	Kiểm soát viên	11,539	4,073
Nguyễn Hoàng Anh	Kiểm soát viên	11,539	4,073

5.2.2. Tiền thưởng

- Trích lập quỹ khen thưởng của người quản lý:

+ Quỹ tiền thưởng năm 2021 của doanh nghiệp là 652 triệu đồng theo văn bản số 1696/EVN-TCKT ngày 06/4/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực.

+ Năm 2022, Tập đoàn Điện lực Việt Nam chưa phê duyệt quỹ khen thưởng của doanh nghiệp.

- Đã xây dựng quy định về trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 92/QĐ-HĐTV ngày 23/9/2022 của Hội đồng thành viên.

- Việc trích tiền thưởng với người quản lý hàng năm: doanh nghiệp trích 90% quỹ khen thưởng hàng năm để phân phối tiền thưởng cho các chức danh quản lý theo hiệu quả điều hành hoạt động, 10% quỹ còn lại được phân phối khi kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên.



- Phân phối tiền thưởng đối với các chức danh quản lý (tạm ứng)

Họ tên	Chức danh	Tiền thưởng (Triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2021	Năm 2022
Phạm Quốc Bảo	Chủ tịch HĐQT	22	-
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	22	-
Lê Tấn Định	Thành viên HĐQT	22	-
Nguyễn Minh Tùng	Thành viên HĐQT	22	-
Đỗ Thị Xuân Chi	Thành viên HĐQT	22	-
Luân Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc	22	-
Trần Khiêm Tuấn	Phó Tổng giám đốc đến T5/2022	22	-
Nguyễn Duy Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	22	-
Bành Đức Hoài	Phó Tổng giám đốc đến T5/2021	22	-
Bùi Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	22	-
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	22	-

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không phát sinh.

5.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu

Doanh nghiệp không có đơn vị thành viên là đơn vị hạch toán độc lập nên không thực hiện vai trò chủ sở hữu.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: không quá 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Thời giờ nghỉ ngơi: nghỉ giữa giờ làm việc đối với người làm việc theo ca ban ngày nghỉ 30 phút/ca, ca ban đêm nghỉ 45 phút/ca, nghỉ chuyển ca ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác; nghỉ hằng tuần đảm bảo ít nhất 04 ngày/tháng, ngày nghỉ hằng tuần của người lao động làm việc theo giờ hành chính là ngày Chủ nhật, trường hợp người lao động hoàn thành khối lượng công việc được giao của 01 tuần trong 05 ngày thì được nghỉ ngày thứ Bảy.

- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, không quá 40 giờ trong 01 tháng và không quá 200 giờ trong 01 năm.

- Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ, tết, ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của pháp luật; được nghỉ



việc riêng không hưởng lương theo quy định, ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết nếu có lý do chính đáng thì người lao động được giải quyết nghỉ không hưởng lương tối đa 30 ngày làm việc cộng dồn trong năm, trường hợp nghỉ ốm đau trong thời gian điều trị bệnh thì được giải quyết nghỉ tối đa 60 ngày làm việc cộng dồn trong năm (trừ trường hợp điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành).

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm; người làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày/năm và người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 16 ngày/năm chưa tính thâm niên.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Tổng Giám đốc doanh nghiệp giao quyền cho Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc xử lý kỷ luật đối với người lao động làm việc tại đơn vị theo khoản 4, Điều 16 nội quy lao động.

- Tổng Giám đốc doanh nghiệp ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc xử lý kỷ luật đối với người lao động làm việc tại khối phòng/ban theo giấy ủy quyền số 5689/UQ-EVNHCMC ngày 31/12/2021.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Nội quy lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động:

+ Khoản 3 Điều 8 quy định tất cả các trường hợp người lao động nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương đều phải có đơn xin nghỉ phép và được người có thẩm quyền phê duyệt.

+ Khoản 9 Điều 12 quy định “người lao động vi phạm công tác an toàn, vệ sinh lao động phải học lại quy trình an toàn của EVN, EVNHCMC và của đơn vị, được kiểm tra lại. Trong thời gian chưa tổ chức học và kiểm tra lại quy trình, người lao động vi phạm chỉ được bố trí công việc vị trí bậc an toàn 2/5”.

+ Điều 13, Điều 14 Chương VI: chưa quy định cụ thể danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của Tổng công ty.

+ Điểm k khoản 1 Điều 17 quy định kỷ luật khiển trách đối với người lao động có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng hoặc về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Điểm n khoản 2 Điều 17 quy định kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng đối với người lao động có hành vi cố ý phổ biến, tuyên truyền, sao chép và lưu hành các tài liệu phản động, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; cố ý vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp xử lý kỷ luật lao động 27 vụ với hình thức khiển trách; 07 vụ với hình thức kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng; 01 vụ với hình thức sa thải. Tại khối phòng/ban không có trường hợp xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 02 trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất (tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Sài Gòn). Doanh nghiệp thực hiện khấu trừ tiền lương hằng tháng không quá 30% tiền lương thực trả hằng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Tổng số tiền phải bồi thường là 412.218.630 đồng, số tiền người lao động đã nộp là 18.215.842 đồng. Tại khối phòng/ban không phát sinh trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ tại thời điểm ngày 11/4/2023: 1.080 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút, không quá 03 ngày;

+ Trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc đang mang thai từ tháng thứ 7 trở đi được nghỉ mỗi ngày 120 phút trong thời gian làm việc; trường hợp lao động nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi sinh đôi trở lên thì mỗi ngày được nghỉ 150 phút trong thời gian làm việc.

+ Được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con 06 tháng, thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng; trường hợp sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con lao động nữ được nghỉ thêm 01 tháng.

+ Lao động nữ nghỉ thai sản theo chế độ thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xét các danh hiệu thi đua khác nếu có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định.

+ Đã bố trí buồng tắm và buồng vệ sinh tại nơi làm việc.

+ Được hỗ trợ chi phí gửi trẻ, mẫu giáo với mức 200.000 đồng/tháng/cháu từ 06 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Các quy định đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Các quy định đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có tranh chấp cá nhân và tập thể, không xảy ra đình công, không có khiếu nại về lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 2.067 người (loại IV); số lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 119 người (loại V).

- Số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động là 2.178 người.

Tại khối phòng/ban không có người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không có lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động gồm 8 thành viên.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên (kèm theo Quyết định số 6002/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp).

- Tại thời điểm thanh tra, số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp là 482 người, trong đó số người làm việc theo chế độ chuyên trách là 37 người. Tại khối phòng/ban có 11 người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách.

- Số lượng người làm công tác y tế tại khối phòng/ban là 2 người, tại các chi nhánh là 20 người.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động doanh nghiệp đang sử dụng là 306 thiết bị, đã kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc (quy trình an toàn cho công tác thi công, sửa chữa, bảo trì trên đường dây đang mang điện cấp điện áp 110 kV đến 220 kV; hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ giám sát an toàn trực tuyến; hướng dẫn thực hiện phiếu công tác, lệnh công tác; cảm nang an toàn hạ áp, trung áp, cao áp, lắp đặt công tơ; sổ tay nghiệp vụ cho người làm công tác phòng cháy, chữa cháy; sổ tay nghiệp vụ cho người làm công tác an toàn; tài liệu “Nhận diện rủi ro và biện pháp phòng tránh”).

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp, người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện (2.021 người), cấp thẻ an toàn (2.178 người).

Giấy chứng nhận huấn luyện nhóm 2 của người lao động tại khối phòng/ban chưa có ảnh của người lao động theo mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp đã ban hành hướng dẫn trang bị và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo Quyết định số 3450/QĐ-EVNHCMC ngày 29/7/2022 của Tổng giám đốc doanh nghiệp; đã thực hiện cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân, thiết bị an toàn và có sổ theo dõi cấp phát, có ký nhận của người lao động.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

Tại khối phòng/ban không phát sinh việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm: tổng số mẫu đã đo là 12.320 mẫu, số mẫu đạt tiêu chuẩn là 12.097 mẫu, số mẫu không đạt tiêu chuẩn là 223 mẫu.

Tại khối phòng/ban: số mẫu đã đo là 480 mẫu, số mẫu đạt là 480 mẫu, số mẫu vượt tiêu chuẩn là 0 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho người lao động; đã khám sức chuyên khoa cho lao động nữ; khám sức khỏe định kì 6 tháng/lần cho người lao động công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong điều kiện làm việc có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp

- Hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động tại khối phòng/ban thực hiện theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là 6.477 người.

- Số người không thuộc đối tượng tham gia tại doanh nghiệp: 01 người (kiểm soát viên của Tập đoàn điện lực Việt Nam).

- Số người đã tham gia tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là 6.477 người.

- Số người chưa tham gia tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trả hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật BHXH.

- Đã đóng đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 3/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và hằng năm về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện tuyển dụng lao động theo quy chế của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho 150 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 12.986.139.175 đồng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; ban hành quy chế dân chủ cơ sở.

1.7. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động theo hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của người lao động trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt; đã xây dựng quy định quản lý và phân phối tiền lương và phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế.

1.8. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm thêm vào ban đêm cho người lao động; đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 730.000 đồng/người/tháng.

1.9. Đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách hằng năm trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt; đã phân phối tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với từng người quản lý.

1.10. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; tổ chức làm thêm giờ đảm bảo không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.11. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.12. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh; đã giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

1.13. Đã thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động; bố trí người làm công tác an toàn lao động, công tác y tế; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh

lao động đối với máy, thiết bị; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.14. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể theo hợp đồng lao động; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNĐ đến hết tháng 3/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hằng năm cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của doanh nghiệp”, mục công việc phải làm ghi “theo bản mô tả vị trí chức danh công việc” nhưng chưa đính kèm bản mô tả chức danh công việc đó, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “người lao động được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ thương lượng tập thể có nội dung dự kiến thương lượng nhưng chưa thể hiện bên yêu cầu thương lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa quy định thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hằng năm theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.5. Xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và người quản lý chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Điều 9 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ (quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 theo văn bản số 1673/EVNHCMC-TCNS ngày 20/4/2021, điều chỉnh tại văn bản số 5354/EVNHCMC-TCNS ngày 03/12/2021 của Hội đồng thành viên; quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo văn bản số 1263/EVNHCMC-TCNS ngày 05/4/2022, điều chỉnh tại văn bản số 4794/EVNHCMC-TCNS ngày 30/11/2022 của Tổng Giám đốc).

2.6. Nội quy lao động có nội dung chưa phù hợp quy định của pháp luật:

- Khoản 3 Điều 8 quy định tất cả các trường hợp người lao động nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương đều phải có đơn và được người có thẩm quyền phê duyệt là không đúng quy định tại Điều 115 Bộ luật Lao động.

- Khoản 9 Điều 12 quy định “người lao động vi phạm công tác an toàn, vệ sinh lao động phải học lại quy trình an toàn của EVN, EVNHCMC và của đơn

vị, được kiểm tra lại. Trong thời gian chưa tổ chức học và kiểm tra lại quy trình, người lao động vi phạm chỉ được bố trí công việc vị trí bậc an toàn 2/5” là không đúng quy định tại Điều 29, Điều 33 Bộ luật Lao động.

- Điều 13, Điều 14 Chương VI: chưa quy định được cụ thể danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của Tổng công ty theo quy định tại Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Điểm k khoản 1 Điều 17 quy định kỷ luật khiển trách đối với người lao động có hành vi “vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng hoặc về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” là hành vi không thuộc quan hệ lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động.

- Điểm n khoản 2 Điều 17 quy định kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng đối với người lao động có hành vi “cố ý phổ biến, tuyên truyền, sao chép và lưu hành các tài liệu phản động, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; cố ý vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng” là hành vi không thuộc quan hệ lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động.

2.7. Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của người lao động nhóm 2 tại khối phòng/ban chưa có ảnh của người lao động là chưa đúng theo mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2 mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.1, 2.3, 2.5 khi có phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

